

Số: 2018 /QĐ-NNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2012 - 2013

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục;

Căn cứ Quy định công tác thi đua khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quy chế Quản lý nguồn thu và Chi tiêu nội bộ được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trường và theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2012 - 2013 cho cán bộ, viên chức của Trường có tên trong danh sách kèm theo (Chiến sỹ thi đua cơ sở: 437 người; Lao động tiên tiến: 528 người).

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cán bộ, viên chức được thưởng mức tiền thưởng là 1.150.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; 350.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Trường.

Tổng số tiền thưởng là **687.350.000 đồng**

Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, TC-KT, Trưởng các đơn vị liên quan và các cán bộ, viên chức có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Lưu VTHC, TC.



Trần Đức Viên

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ NĂM HỌC 2012 - 2013
(Kèm theo Quyết định số 2018 /QĐ-NNH ngày 26 tháng 9 năm 2013)

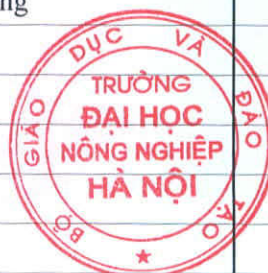
STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
1	Nguyễn Tất	Cảnh	1	Canh tác học	1,150,000	
2	Hà Thị Thanh	Bình	1	Canh tác học	1,150,000	
3	Vũ Duy	Hoàng	1	Canh tác học	1,150,000	
4	Ngô Bích	Hảo	1	Bệnh cây	1,150,000	
5	Nguyễn Văn	Viên	1	Bệnh cây	1,150,000	
6	Đỗ Tấn	Dũng	1	Bệnh cây	1,150,000	
7	Trần Nguyễn	Hà	1	Bệnh cây	1,150,000	
8	Nguyễn Thị Lan	Hương	1	Bệnh cây	1,150,000	
9	Hà Viết	Cường	1	Bệnh cây	1,150,000	
10	Ninh Thị	Phép	1	Cây công nghiệp	1,150,000	
11	Vũ Đình	Chính	1	Cây công nghiệp	1,150,000	
12	Nguyễn Đình	Vinh	1	Cây công nghiệp	1,150,000	
13	Tăng Thị	Hạnh	1	Cây lương thực	1,150,000	
14	Phạm Văn	Cường	1	Cây lương thực	1,150,000	
15	Hồ Thị Thu	Giang	1	Côn trùng	1,150,000	
16	Nguyễn Thị Kim	Oanh	1	Côn trùng	1,150,000	
17	Lê Ngọc	Anh	1	Côn trùng	1,150,000	
18	Phạm Hồng	Thái	1	Côn trùng	1,150,000	
19	Phạm Tiến	Dũng	1	PP thí nghiệm và TK sinh học	1,150,000	
20	Đỗ Thị	Hường	1	PP thí nghiệm và TK sinh học	1,150,000	
21	Nguyễn Hồng	Hạnh	1	PP thí nghiệm và TK sinh học	1,150,000	
22	Vũ Thị Thu	Hiền	1	Di truyền giống	1,150,000	
23	Vũ Văn	Liết	1	Di truyền giống	1,150,000	
24	Nguyễn Thanh	Tuấn	1	Di truyền giống	1,150,000	
25	Nguyễn Hồng	Minh	1	Di truyền giống	1,150,000	
26	Trịnh Thị Mai	Dung	1	Rau - Hoa - Quả	1,150,000	
27	Trần Thị Minh	Hằng	1	Rau - Hoa - Quả	1,150,000	
28	Phạm Thị Minh	Phượng	1	Rau - Hoa - Quả	1,150,000	
29	Nguyễn Hữu	Cường	1	Thực vật	1,150,000	
30	Nguyễn Hạnh	Hoa	1	Thực vật	1,150,000	
31	Trần	Hiệp	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
32	Bùi Văn	Đoàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
33	Nguyễn Văn	Thắng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
34	Mai Thị	Thơm	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
35	Vũ Đình	Tôn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
36	Nguyễn Xuân	Trạch	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
37	Vũ Thị Thuý	Hằng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
38	Lê Thị Thu	Nhàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
39	Hà Xuân	Bộ	2	Di truyền Giống gia súc	1,150,000	
40	Nguyễn Thị Châu	Giang	2	Di truyền Giống gia súc	1,150,000	
41	Nguyễn Thị Vân	Trang	2	Sinh học động vật	1,150,000	
42	Lê Mạnh	Dũng	2	Sinh học động vật	1,150,000	
43	Nguyễn Thị	Nguyệt	2	Sinh học động vật	1,150,000	
44	Nguyễn Thị	Vinh	2	Sinh học động vật	1,150,000	
45	Nguyễn Thị Tuyết	Lê	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
46	Tôn Thất	Sơn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
47	Bùi Quang	Tuấn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
48	Đặng Thuý	Nhung	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
49	Bùi Văn	Định	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
50	Lê Việt	Phương	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
51	Hoàng Thị Thu	Hiền	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
52	Trần Thị Năng	Thu	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
53	Trịnh Đình	Khuyến	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
54	Nguyễn Ngọc	Tuấn	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
55	Lê Thị Hoàng	Hằng	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
56	Nguyễn Công	Thiết	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
57	Nguyễn Bá	Mùi	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	1,150,000	
58	Đặng Thái	Hải	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	1,150,000	
59	Phạm Kim	Đăng	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	1,150,000	
60	Đàm Thị	Dung	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	1,150,000	
61	Kim Văn	Vạn	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	1,150,000	
62	Trương Đình	Hoài	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	1,150,000	
63	Nguyễn Văn	Tuyến	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	1,150,000	
64	Nguyễn Thị	Hậu	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	1,150,000	
65	Vũ Thị	Ngân	2	Phòng TN Trung tâm	1,150,000	
66	Nguyễn Trường	Sơn	3	Hoá học	1,150,000	
67	Phan Trung	Quý	3	Hoá học	1,150,000	
68	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	3	Hoá học	1,150,000	
69	Đoàn Thị Thuý	ái	3	Hoá học	1,150,000	
70	Phạm Trung	Đức	3	Hoá học	1,150,000	
71	Lê Thị Thu	Hương	3	Hóa học	1,150,000	
72	Hoàng	Hiệp	3	Hóa học	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
73	Cao Việt	Hà	3	Khoa học đất	1,150,000	
74	Nguyễn Hữu	Thành	3	Khoa học đất	1,150,000	
75	Đỗ Nguyên	Hải	3	Khoa học đất	1,150,000	
76	Phan Quốc	Hưng	3	Khoa học đất	1,150,000	
77	Nguyễn Đức	Hùng	3	Khoa học đất	1,150,000	
78	Nguyễn Thế	Bình	3	Vì sinh vật	1,150,000	
79	Nguyễn Tú	Điệp	3	Vì sinh vật	1,150,000	
80	Nguyễn Xuân	Thành	3	Vì sinh vật	1,150,000	
81	Hoàng Thái	Đại	3	Tài nguyên nước	1,150,000	
82	Nguyễn Quang	Học	3	Quy hoạch đất	1,150,000	
83	Nguyễn Thị	Vòng	3	Quy hoạch đất	1,150,000	
84	Đỗ Thị	Tám	3	Quy hoạch đất	1,150,000	
85	Quyền Thị Lan	Phương	3	Quy hoạch đất	1,150,000	
86	Nguyễn Thanh	Trà	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
87	Phạm Phương	Nam	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
88	Nguyễn Thị Thu	Hương	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
89	Bùi Nguyên	Hạnh	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
90	Ngô Thị	Hà	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
91	Phan Thị Thanh	Huyền	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
92	Trần Quốc	Vinh	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
93	Nguyễn Đình	Công	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
94	Lê Thị	Giang	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
95	Trần Trọng	Phương	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
96	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
97	Nguyễn Đình	Trung	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
98	Nguyễn Khắc	Năng	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
99	Nguyễn Đức	Lộc	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
100	Nguyễn Khắc	Thời	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	1,150,000	
101	Đoàn Văn	Điểm	3	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
102	Ngô Thế	Ân	3	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
103	Dương Thị	Huyền	3	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
104	Nguyễn Thị Bích	Yên	3	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
105	Trịnh Quang	Huy	3	Công nghệ môi trường	1,150,000	
106	Nguyễn Ngọc	Tú	3	Công nghệ môi trường	1,150,000	
107	Nguyễn Như	Hà	3	Nông hóa	1,150,000	
108	Nguyễn Thu	Hà	3	Nông hóa	1,150,000	
109	Trần Đức	Viên	3	Quản lý môi trường	1,150,000	
110	Nguyễn Thanh	Lâm	3	Quản lý môi trường	1,150,000	
111	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3	Quản lý môi trường	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
112	Cao Trường	Sơn	3	Quản lý môi trường	1,150,000	
113	Nguyễn Thị	Khánh	3	Văn phòng Khoa TN và MT	1,150,000	
114	Phạm Bích	Tuấn	3	Văn phòng Khoa TN và MT	1,150,000	
115	Nguyễn Thị	Lịch	3	Văn phòng Khoa TN và MT	1,150,000	
116	Lê Minh	Lư	4	Cơ học kỹ thuật	1,150,000	
117	Đặng Đình	Trình	4	Cơ học kỹ thuật	1,150,000	
118	Nguyễn Xuân	Thiết	4	Cơ học kỹ thuật	1,150,000	
119	Dương Thành	Huân	4	Cơ học kỹ thuật	1,150,000	
120	Đào Quang	Kế	4	Công nghệ cơ khí	1,150,000	
121	Phạm Thanh	Cường	4	Công nghệ cơ khí	1,150,000	
122	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	4	Công nghệ cơ khí	1,150,000	
123	Phạm Thị	Hằng	4	Công nghệ cơ khí	1,150,000	
124	Lê Văn	Bích	4	Máy nông nghiệp	1,150,000	
125	Nguyễn Ngọc	Quế	4	Động lực	1,150,000	
126	Bùi Hải	Triều	4	Động lực	1,150,000	
127	Đặng Tiến	Hòa	4	Động lực	1,150,000	
128	Hàn Trung	Dũng	4	Động lực	1,150,000	
129	Lê Anh	Sơn	4	Động lực	1,150,000	
130	Đặng Ngọc	Danh	4	Động lực	1,150,000	
131	Lê Huy	Thương	4	TB bảo quản và CBNS	1,150,000	
132	Trần Như	Khuyên	4	TB bảo quản và CBNS	1,150,000	
133	Nguyễn Thanh	Hải	4	TB bảo quản và CBNS	1,150,000	
134	Hoàng Xuân	Anh	4	TB bảo quản và CBNS	1,150,000	
135	Ngô Trí	Dương	4	Tự động hóa	1,150,000	
136	Nguyễn Thái	Học	4	Tự động hóa	1,150,000	
137	Nguyễn Kim	Dung	4	Tự động hóa	1,150,000	
138	Nguyễn Thị	Duyên	4	Hệ thống điện	1,150,000	
139	Nguyễn Quang	Huy	4	Hệ thống điện	1,150,000	
140	Ngô Quang	Ước	4	Hệ thống điện	1,150,000	
141	Đào Xuân	Tiến	4	Hệ thống điện	1,150,000	
142	Trần Văn	Đức	5	Kinh tế	1,150,000	
143	Nguyễn Tất	Thắng	5	Kinh tế	1,150,000	
144	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	5	Kinh tế	1,150,000	
145	Thái Thị	Nhung	5	Kinh tế	1,150,000	
146	Lương Xuân	Chính	5	Kinh tế	1,150,000	
147	Mai Thanh	Cúc	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
148	Nguyễn Trọng	Đắc	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
149	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
150	Quyền Đình	Hà (A)	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
151	Mai Lan	Phương	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
152	Nguyễn Thị Minh	Hiền	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
153	Đỗ Thị Thanh	Huyền	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
154	Đỗ Thị	Nhài	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
155	Trần Mạnh	Hải	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
156	Nguyễn Văn	Song	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
157	Nguyễn Mậu	Dũng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
158	Trần Thị Thu	Trang	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
159	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
160	Nguyễn Hữu	Giáp	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
161	Hồ Ngọc	Cường	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
162	Trần Đình	Thao	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
163	Ngô Thị	Thuận	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
164	Nguyễn Hữu	Ngoan	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
165	Lê Khắc	Bộ	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
166	Nguyễn Thị Dương	Nga	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
167	Đỗ Trường	Lâm	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
168	Nguyễn Tuấn	Son	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
169	Nguyễn Thị Thu	Huyền	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
170	Dương Nam	Hà	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
171	Giang	Hương	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
172	Nguyễn Văn	Mác	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
173	Nguyễn Viết	Đặng	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
174	Nguyễn Phụng	Lê	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
175	Nguyễn Thị Minh	Thu	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
176	Đỗ Kim	Chung	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
177	Lê Thị Thanh	Loan	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
178	Hà Thị Thanh	Mai	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
179	Đặng Xuân	Phi	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
180	Hoàng Thị	Hằng	5	Văn phòng Khoa KT và PTNT	1,150,000	
181	Nguyễn Thị	Hường	5	Văn phòng Khoa KT và PTNT	1,150,000	
182	Tổng Phương	Anh	5	Văn phòng Khoa KT và PTNT	1,150,000	
183	Phan Thị Thu	Phương	5	Văn phòng Khoa KT và PTNT	1,150,000	
184	Lê Thị Kim	Thanh	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
185	Lê Thị	Ngân	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
186	Lê Văn	Hùng	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
187	Dương Đức	Đại	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
188	Lê Thị	Xuân	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
189	Tạ Quang	Giảng	6	Đường lối CM của ĐCSVN	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
190	Trần Khánh	Dư	6	Đường lối CM của ĐCSVN	1,150,000	
191	Vũ Thị Thu	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	1,150,000	
192	Trương Thị Thu	Hạnh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,150,000	
193	Nguyễn Đắc	Dũng	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,150,000	
194	Trần Lê	Thanh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,150,000	
195	Vũ Văn	Tuấn	6	Pháp luật	1,150,000	
196	Trịnh Thị Ngọc	Anh	6	Pháp luật	1,150,000	
197	Lê Thị	Yến	6	Pháp luật	1,150,000	
198	Đỗ Thị Kim	Hương	6	Pháp luật	1,150,000	
199	Ngô Trung	Thành	6	Xã hội học	1,150,000	
200	Nguyễn Thị	Diễn	6	Xã hội học	1,150,000	
201	Nguyễn Thị Thu	Hà	6	Xã hội học	1,150,000	
202	Nguyễn Thị Minh	Khuê	6	Xã hội học	1,150,000	
203	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	7	Phương pháp giáo dục	1,150,000	
204	Trần Thuý	Lan	7	Phương pháp giáo dục	1,150,000	
205	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	7	Ngoại ngữ	1,150,000	
206	Nguyễn Thị Bích	Liên	7	Ngoại ngữ	1,150,000	
207	Dương Thị	Thúy	7	Ngoại ngữ	1,150,000	
208	Nguyễn Huyền	Thương	7	Tâm lý	1,150,000	
209	Đặng Thị	Vân	7	Tâm lý	1,150,000	
210	Lý Thanh	Hiền	7	Tâm lý	1,150,000	
211	Lại Thị Ngọc	Hà	8	HS-CN sinh học thực phẩm	1,150,000	
212	Nguyễn Thị Lâm	Đoàn	8	HS-CN sinh học thực phẩm	1,150,000	
213	Nguyễn Hoàng	Anh	8	HS-CN sinh học thực phẩm	1,150,000	
214	Nguyễn Hương	Thủy	8	HS-CN sinh học thực phẩm	1,150,000	
215	Phan Thị Phương	Thảo	8	Công nghệ chế biến	1,150,000	
216	Vũ Thị Kim	Oanh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	1,150,000	
217	Nguyễn Trọng	Thăng	8	Công nghệ Sau thu hoạch	1,150,000	
218	Trần Thị Lan	Hương	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	1,150,000	
219	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	1,150,000	
220	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	1,150,000	
221	Nguyễn Văn	Thọ	9	Ký sinh trùng	1,150,000	
222	Nguyễn Văn	Phương	9	Ký sinh trùng	1,150,000	
223	Chu Đức	Thắng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
224	Phạm Ngọc	Thạch	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
225	Bùi Thị	Tho	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
226	Đào Công	Duẩn	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
227	Đàm Văn	Phải	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
228	Phạm Thị Lan	Hương	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
229	Sử Thanh	Long	9	Ngoại sản	1,150,000	
230	Hoàng	Sơn	9	Ngoại sản	1,150,000	
231	Nguyễn Văn	Thanh	9	Ngoại sản	1,150,000	
232	Vũ Như	Quán	9	Ngoại sản	1,150,000	
233	Trịnh Đình	Thâu	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	1,150,000	
234	Nguyễn Bá	Tiếp	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	1,150,000	
235	Lại Thị Lan	Hương	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	1,150,000	
236	Nguyễn Bá	Hiên	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
237	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
238	Tạ Thị Kim	Chung	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
239	Võ Văn	Hiếu	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
240	Mai Thị	Ngân	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
241	Vũ Kim	Hoa	9	Thú y cộng đồng	1,150,000	
242	Phạm Hồng	Ngân	9	Thú y cộng đồng	1,150,000	
243	Nguyễn Hữu	Nam	9	Bệnh lý thú y	1,150,000	
244	Nguyễn Thị	Lan	9	Bệnh lý thú y	1,150,000	
245	Nguyễn Văn	Hải	9	Bệnh viện Thú y	1,150,000	
246	Đinh Phương	Nam	9	Bệnh viện Thú y	1,150,000	
247	Trần Văn	Nên	9	Bệnh viện Thú y	1,150,000	
248	Trần Thị	Giang	9	Văn phòng	1,150,000	
249	Nguyễn Thị	Yến	9	Phòng TN trọng điểm CNSH thú y	1,150,000	
250	Nguyễn Thị	Hoa	9	Phòng TN trọng điểm CNSH thú y	1,150,000	
251	Đỗ Thị	Huệ	10	Toán học	1,150,000	
252	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10	Toán học	1,150,000	
253	Nguyễn Thị Bích	Thủy	10	Toán học	1,150,000	
254	Trần Trung	Dũng	10	Toán học	1,150,000	
255	Lê Thị Diệu	Thùy	10	Toán học	1,150,000	
256	Nguyễn Thị	Huyền A	10	Toán học	1,150,000	
257	Đặng Thị Thanh	Bình	10	Văn phòng	1,150,000	
258	Nguyễn Thị	Phương	10	Vật lý	1,150,000	
259	Bùi Thị	Thu	10	Vật lý	1,150,000	
260	Hồ Thị Hồng	Lan	10	Vật lý	1,150,000	
261	Trần Đình	Đông	10	Vật lý	1,150,000	
262	Lê Văn	Dũng	10	Vật lý	1,150,000	
263	Đào Hải	Yến	10	Vật lý	1,150,000	
264	Nguyễn Thị	Thanh	10	Vật lý	1,150,000	
265	Hoàng Thị	Hà	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
266	Ngô Công	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
267	Lê Thị	Nhung	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
268	Nguyễn Duy	Bình	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
269	Trần Trung	Hiếu	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
270	Nguyễn Doãn	Đông	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
271	Lê Văn	Hỗ	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
272	Phan Thị Thu	Hồng	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
273	Thân Thị	Huyền	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
274	Nguyễn Thị	Thảo	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
275	Đoàn Thị Thu	Hà	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
276	Giang Thị	Huệ	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
277	Nguyễn Văn	Định	10	Toán - Tin ứng dụng	1,150,000	
278	Trần Đức	Quỳnh	10	Toán - Tin ứng dụng	1,150,000	
279	Nguyễn Trọng	Kương	10	Toán - Tin ứng dụng	1,150,000	
280	Nguyễn Xuân	Thảo	10	Toán - Tin ứng dụng	1,150,000	
281	Bùi Thị	Phúc	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
282	Phí Thị Diễm	Hồng	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
283	Trần Nguyễn Thị	Yến	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
284	Trần Minh	Huệ	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
285	Lê Văn	Liên	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
286	Kim Thị	Dung	11	Tài chính	1,150,000	
287	Lê Hữu	ảnh	11	Tài chính	1,150,000	
288	Nguyễn Duy	Linh	11	Tài chính	1,150,000	
289	Lê Thị Thanh	Hào	11	Tài chính	1,150,000	
290	Bùi Thị	Lâm	11	Tài chính	1,150,000	
291	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	11	Tài chính	1,150,000	
292	Trần Trọng	Nam	11	Tài chính	1,150,000	
293	Nguyễn Anh	Trụ	11	Marketing	1,150,000	
294	Trần Hữu	Cường	11	Marketing	1,150,000	
295	Chu Thị Kim	Loan	11	Marketing	1,150,000	
296	Nguyễn Hùng	Anh	11	Marketing	1,150,000	
297	Dương Thị	Hoa	11	Marketing	1,150,000	
298	Vũ Thị Hằng	Nga	11	Marketing	1,150,000	
299	Nguyễn Văn	Hướng	11	Marketing	1,150,000	
300	Đỗ Văn	Viện	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
301	Nguyễn Quốc	Chinh	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
302	Nguyễn Hải	Núi	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
303	Đào Hồng	Vân	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
304	Nguyễn Ngọc	Mai	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
305	Ngô Thị Thu	Hằng	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	1,150,000	
306	Bùi Bằng	Đoàn	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
307	Đỗ Quang	Giám	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	1,150,000	
308	Lê Thị Kim	Sơn	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	1,150,000	
309	Đỗ Kim	Yến	11	Văn phòng	1,150,000	
310	Phan Hữu	Tôn	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	1,150,000	
311	Nguyễn Đức	Bách	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	1,150,000	
312	Tổng Văn	Hải	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	1,150,000	
313	Nguyễn Thị Lâm	Hải	12	Công nghệ sinh học thực vật	1,150,000	
314	Đặng Thị Thanh	Tâm	12	Công nghệ sinh học thực vật	1,150,000	
315	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12	Công nghệ sinh học thực vật	1,150,000	
316	Ngô Thành	Trung	12	Công nghệ sinh học động vật	1,150,000	
317	Bùi Thị Thu	Hương	12	Sinh học	1,150,000	
318	Phí Thị Cẩm	Miền	12	Sinh học	1,150,000	
319	Vũ Thị	Ly	12	Văn phòng Khoa CNSH	1,150,000	
320	Lê Huỳnh Thanh	Phương	13	Phòng Khoa học công nghệ	1,150,000	
321	Lê Vũ	Quân	13	Phòng Khoa học công nghệ	1,150,000	
322	Nguyễn Thị Phương	Lan	13	Phòng Khoa học công nghệ	1,150,000	
323	Trần Duy	Tùng	13	Phòng Khoa học công nghệ	1,150,000	
324	Phạm Thị	Hiền	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
325	Vũ Khắc	Hòa	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
326	Trần Thị Thu	Trang	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
327	Trần Quang	Trung	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
328	Phạm Văn	Hùng	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
329	Cao Đức	Thành	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
330	Bùi Thị Kim	Vân	15	TCCB	1,150,000	
331	Lê Ngọc	Tú	15	TCCB	1,150,000	
332	Nguyễn Huy	Cường	15	TCCB	1,150,000	
333	Nguyễn Thị	Cúc	15	TCCB	1,150,000	
334	Nguyễn Thị	Lưới	15	TCCB	1,150,000	
335	Phạm Bảo	Dương	15	TCCB	1,150,000	
336	Nguyễn Minh	Tiến	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
337	Phan Xuân	Hào	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
338	Nguyễn Văn	Dung	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
339	Bùi Trần Anh	Đào	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
340	Nguyễn Trọng	Trung	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
341	Nguyễn Quang	Tự	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
342	Nguyễn Anh	Tuấn	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
343	Trần Thị Thanh	Phương	17	Phòng Hợp tác quốc tế	1,150,000	
344	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	17	Phòng Hợp tác quốc tế	1,150,000	
345	Nguyễn Xuân	Minh	17	Phòng Hợp tác quốc tế	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
346	Nguyễn Thị	Minh	17	Phòng Hợp tác quốc tế	1,150,000	
347	Nguyễn Thị Bích	Thủy	17	Phòng Hợp tác quốc tế	1,150,000	
348	Nguyễn Ích	Tân	18	VT-HC	1,150,000	
349	Nguyễn Thị Hà	Nam	18	VT-HC	1,150,000	
350	Chữ Thị Thu	Huyền	18	VT-HC	1,150,000	
351	Nguyễn Công	Tiếp	18	VT-HC	1,150,000	
352	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	18	VT-HC	1,150,000	
353	Ngô Văn	Tuấn	18	Đội xe	1,150,000	
354	Phạm Quốc	Việt	18	Đội xe	1,150,000	
355	Nguyễn Ngọc	Kính	19	Văn phòng	1,150,000	
356	Võ Văn	Nam	19	Văn phòng	1,150,000	
357	Nguyễn Việt	Dũng	19	Văn phòng	1,150,000	
358	Ngô Đăng	Truyền	19	Văn phòng	1,150,000	
359	Phan Văn	Điệp	19	Điện nước	1,150,000	
360	Đặng Bá	Chính	19	Điện nước	1,150,000	
361	Nguyễn Văn	Thách	19	Điện nước	1,150,000	
362	Nguyễn Đăng	Thiện	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
363	Lê Thị Kim	Lan	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
364	Đặng Đức	Hoàn	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
365	Phan Thị	Điều	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
366	Nguyễn Văn	Toàn	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
367	Nguyễn Thị	Xá	20	TT Giáo dục thể chất và TT	1,150,000	
368	Vũ Ngọc	Huyền	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
369	Nguyễn Tất	Thắng	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
370	Phan Văn	Đồng	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
371	Dương Chí	Dũng	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
372	Cam Thị	Lượng	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
373	Lê Thị Kim	Phương	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
374	Hoàng Đức	Liên	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
375	Phạm Thị Thanh	Mai	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
376	Đinh Nguyệt	ánh	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
377	Trần Thị Thu	Huyền	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
378	Tô Văn	Nguyễn	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
379	Lê Thị	Huệ	22	TT Thông tin - Thư viện LĐC	1,150,000	
380	Nguyễn Văn	Lương	23	Giáo dục quốc phòng	1,150,000	
381	Lê Đình	Thọ	23	Giáo dục quốc phòng	1,150,000	
382	Lê	Dự	23	Giáo dục quốc phòng	1,150,000	
383	Phạm Hữu	Đức	23	Giáo dục quốc phòng	1,150,000	
384	Nguyễn Công	Uớc	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐBCL	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
385	Nguyễn Thị	Tú	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐBCL	1,150,000	
386	Nguyễn Bình	Trung	24	Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐBCL	1,150,000	
387	Nguyễn Huy	Biếm	25	Bảo vệ	1,150,000	
388	Nguyễn Văn	Mui	25	Bảo vệ	1,150,000	
389	Bùi Nho	Doãn	25	Bảo vệ	1,150,000	
390	Lưu Quang	Hồng	25	Bảo vệ	1,150,000	
391	Nguyễn Văn	Duy	25	Bảo vệ	1,150,000	
392	Nguyễn Đình	Văn	25	Bảo vệ	1,150,000	
393	Nguyễn Đức	Năng	25	Bảo vệ	1,150,000	
394	Phùng Minh	Đức	25	Bảo vệ	1,150,000	
395	Lê Đức	Toàn	25	Bảo vệ	1,150,000	
396	Nguyễn Đức	Bằng	25	Bảo vệ	1,150,000	
397	Lưu Thị	Hải	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
398	Nguyễn Quốc	Oánh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
399	Trần Thị Tú	Oanh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
400	Đỗ Lê	Anh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
401	Nguyễn Hữu	Tuấn	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
402	Trần Thị Hoài	Anh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
403	Vũ Đình	Hòa	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
404	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	27	Trạm Y tế	1,150,000	
405	Lê Thị Nhị	Hà	27	Trạm Y tế	1,150,000	
406	Vũ Văn	Cường	27	Trạm Y tế	1,150,000	
407	Trần Thị Yên	Thái	27	Trạm Y tế	1,150,000	
408	Hoàng Thị	Liều	27	Trạm Y tế	1,150,000	
409	Đỗ Văn	Đại	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
410	Nguyễn Thị	My	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
411	Nguyễn Ngọc	Son	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
412	Trần Thị Lệ	Thủy	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
413	Nguyễn Mai	Thom	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
414	Nguyễn Quang	Phong	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
415	Lê Ngọc	Hướng	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
416	Đỗ Thị Thu	Hương	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
417	Nguyễn Thị	Nghi	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
418	Lê Thị Bích	Liên	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
419	Dương Thị	Tiến	30	Giảng đường	1,150,000	
420	Nghiêm Thị	Kim	30	Giảng đường	1,150,000	
421	Vũ Thị	Hoa	30	Giảng đường	1,150,000	
422	Lưu Quang	Hưng	30	Giảng đường	1,150,000	
423	Nguyễn Đức	Lâu	30	Môi trường	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
424	Nguyễn Văn	Lơ	30	Quản lý dịch vụ	1,150,000	
425	Nguyễn Anh	Tuấn	30	Quản lý dịch vụ	1,150,000	
426	Lê Thị	Xuân	30	Quản lý dịch vụ	1,150,000	
427	Nguyễn Văn	Năm	30	Sửa chữa	1,150,000	
428	Nguyễn Văn	Thiện	30	Sửa chữa	1,150,000	
429	Trần Văn	Quang	36	Viện NC và Phát triển cây trồng	1,150,000	
430	Nguyễn Thanh	Hải	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	1,150,000	
431	Ngô Thị Thanh	Tâm	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	1,150,000	
432	Lê Đức	Tuân	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	1,150,000	
433	Bùi Việt	Đức	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	1,150,000	
434	Tổng Ngọc	Tuấn	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	1,150,000	
435	Nguyễn Thị	Huệ	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	1,150,000	
436	Vũ Công	Cảnh	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	1,150,000	
437	Nguyễn Thị Lý	Anh	90	Viện Sinh học Nông nghiệp	1,150,000	
Cộng					502,550,000	

Bằng chữ: Năm trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng

Danh sách này có 437 cán bộ, viên chức

